TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20/03/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;
2. Ông Dương Trần Trọng Quang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên;

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 349/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đ Ng H, sinh năm: 1992. Địa Chỉ: Số C, đường N V T, khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh L (có mặt);

2. Bị đơn: L V Ph, sinh năm: 1989. Địa chỉ: ấp B, xã M , huyện CL, tỉnh TG (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 06/8/2017, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn Đ Ng H trình bày:***

Chị và anh L V Ph chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2011. Quá trình chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung tên L T Q, sinh ngày 28/02/2011 và L T Q1 sinh ngày 09/4/2016, đến đầu năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cự cải thường xuyên. Vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích

hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho chị ly hôn với anh L V Ph;
- Về con chung: Chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung;
- Về cấp dưỡng: Chưa yêu cầu anh L V Ph cấp dưỡng nuôi con;
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết;

***** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy khai sinh con, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L V Ph vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị Đ Ng H.

Đại diện Viện kiển sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung thêm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp: Xét chị Đ Ng H yêu cầu được ly hôn với anh L V Ph. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp xin ly hôn theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của các bên đương sự: Tại phiên Tòa chị Đ Ng H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Đ Ng H và anh L V Ph chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn khả năng đoàn tụ do anh, chị chung sống không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay. Tại phiên tòa chị Đ Ng H cương quyết ly hôn với anh L V Ph. Anh L V Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên

tòa nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ Ng H.

[2] Về con chung: Chị Đ Ng H yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung vì hiện hai con đang sống chung với chị và phù hợp với nguyện vọng của cháu nên chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng: Không xem xét;

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét;

[5] Về án phí: Chị Đ Ng H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ Ng H;

1. Về hôn nhân: Cho chị Đ Ng H được ly hôn với anh L V Ph;

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên L T Q, sinh ngày 28/02/2011 và L T Q1 sinh ngày 09/4/2016 cho chị Đ Ng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L V Ph được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị Đ Ng H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14762 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND.TG;
- VKSND.CL;
- THADS.CL;
- UBND xã Mỹ Thành Nam;
- Các Đ/S;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc